UBND XÃ CẨM GIANG

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

STT	Số dự án	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nhóm dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch năm 2026		Thực hiện 17/1
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	HĐND TP GIAO	HĐND XÃ GIAO	HĐND TP GIAO
II	**29**	**Nguồn vốn ĐTC của xã**			**190,673.0579**	**38,123.5140**	**44,954.3285**	**38,123.5140**
		Danh mục dự án đã hoàn thành trước năm 2026	**C**		**145,300.7159**	**19,754.4680**	**26,585.2825**	**19,754.4680**
1	1	Các công trình phụ trợ trường mầm non Cẩm Định	C	Số 38a, 28/10/2019	1,049.648	317.0000	317.0000	317.0000
2	1	Nhà lớp học 3T9P trường Tiểu học Định Sơn	C	Số 101b/QĐ - UBND,	5,843.268	420.4680	420.4680	420.4680
3	1	Nâng cấp tuyến đường trục xã từ cống am thôn Phú Quân đến thôn An Tân và thôn Đức Trạch	C	Số 128/QĐ - UBND ngày 21/12/2020	13,915.437	3,447.0000	3,447.0000	3,447.0000
4	1	Trụ sở làm việc Công an xã Định Sơn huyện Cẩm Giàng	C	Số 15, 24/4/2023	10,711.884	582.1454	582.1454	582.1454
5	1	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Định Sơn	C	Số 65/QĐ-UBND, 25/11/2024	496.641	450.0000	450.0000	450.0000
6	1	Công trình Cải tạo, nâng cấp cổng tường rào và sơn lại nhà lớp học 3 tầng 21 phòng trường Tiểu học Cẩm Hoàng	C	Số 68/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	894.000	400.0000	400.0000	400.0000
7	1	Cải tạo bếp ăn khu điểm trường mầm non Định Sơn	C	số 84, 29/9/2023	953.899	210.0000	210.0000	210.0000
8	1	Cải tạo sân trường khu trung tâm trường mầm non Định Sơn	C	số 117, 1/12/2023	901.352	143.0000	143.0000	143.0000
9	1	Đường giao thông nội đồng xã Định Sơn (Tuyến Ông Trịnh - Bà Vân)	C	Số 58/QĐ-UBND	994.856	67.0000	67.0000	67.0000
10	1	Công tường rào mái sân khấu trường tiểu học Cẩm Định	C	Số 03, 12/01/2021	928.173	21.8160	21.8160	21.8160
11	1	Các hạng mục phụ trợ THCS Cẩm Sơn (mở rộng trường THCS Cẩm Sơn)	C	Số 61a, 30/10/2018	522.533	63.8950	63.8950	63.8950
12	1	Cải tạo nâng cấp NTLS xã Cẩm Sơn	C	số 61, 21/11/2019	4,090.619	108.9890	108.9890	108.9890
13	1	CT: Nhà làm việc 3T Đảng ủy-HĐND-UBND TT Cẩm Giang	C	Số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2023, Điều chỉnh số 47/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	14,514.945	739.1070	739.1070	739.1070
14	1	CT: Cải tạo nâng cấp đường GT Khu La A: Đoạn từ đường 196 đến ngã ba khu la A	C	QĐ phê duyệt QT số 56/QĐ-UBND ngày 20/06/2025	4,402.954	304.9460	304.9460	304.9460
15	1	CT: Cải tạo NLH, phòng bộ môn trường tiểu học Thạch Lỗi	C	QĐ số 100a/QĐ-UBND ngày 05/7/2022	866.791	105.7550	105.7550	105.7550
16	1	CT: Đường GTnội đồng từ Bãi vỡ đến đồng mực xã Thạch Lỗi	C	QĐ số 137b/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	988.302	79.1090	79.1090	79.1090
17	1	CT: Cải tạo nâng cấp sân và các hạng mục phụ trợ sân vận động trung tâm xã thạch Lỗi	C	QĐ số 103/QĐ-UBND ngày 03/08/2023	978.032	13.7940	13.7940	13.7940
18	1	Công trình cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Cẩm Hoàng (GĐ2: Đoạn từ sau tiểu học đến Cầu Giàng Giàng và đoạn từ ngã tư Kim Đôi đến đường 194C)	C	84/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	7,202.000	5,000.0000	5,000.0000	5,000.0000
19	1	Mở rộng đường trục xã từ đường 394C đến Cổng Quán thôn thạch Lỗi (Giai đoạn 2)	C	84b/QĐ-UBND ngày 10/06/2024	14,137.042	4,631.5406	4,902.3551	4,631.5406
20	1	Nhà đa năng trường tiểu học Định Sơn	C	Số 45, 29/6/2023	8,958.609	2,500.0000	2,500.0000	2,500.0000
21	1	NLH chức năng 3 tầng và công trình phụ trợ THCS Cẩm Định	C	số 2690, 3/8/2018	4,449.879	7.6240	7.6240	7.6240
22	1	Đường GTNĐ tuyến ông Chiểu - Cầu Rồng	C	Số 75, 15/9/2023	1,125.599	107.2620	107.2620	107.2620
23	1	CT: Xây mới kênh tưới từ trạm bơm đồng vang đến đồng xá và từ trạm bơm đồng vang đến ao cá ô tầm xóm đông trong xã Thạch Lỗi	C	Số 28, 23/04/2025	736.338	34.0170	34.0170	34.0170

STT	dự án	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nhóm dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	HĐND TP GIAO	HĐND XÃ GIAO	HĐND TP GIAO
II	**29**	**Nguồn vốn ĐTC của xã**			**190,673.0579**	**38,123.5140**	**44,954.3285**	**38,123.5140**
		Danh mục dự án đã hoàn thành trước năm 2026	**C**		**145,300.7159**	**19,754.4680**	**26,585.2825**	**19,754.4680**
1	1	Các công trình phụ trợ trường mầm non Cẩm Định	C	Số 38a, 28/10/2019	1,049.648	317.0000	317.0000	317.0000
24	1	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, nghĩa trang liệt sỹ, khu văn chỉ, bể bơi thị trấn Cẩm Giang	C	QĐ điều chỉnh DA số 1141/QĐ-UBND ngày 23/7/2026	45,637.915		6,560.0000	-
	II	**Danh mục các dự án xây dựng mới năm 2026**			**45,372.3420**	**18,369.0460**	**18,369.0460**	**18,369.0460**
1	1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ: điểm trường THCS Định Sơn đến đường 394C và đoạn từ điểm trường THCS Định Sơn đến nghĩa trang liệt sỹ Định Sơn xã Cẩm Giang (tại thôn 3)	C	QĐ: 151/QĐ-UBND ngày 31/01/2026	11,422.101	4,500.0000	4,500.0000	4,500.0000
2	1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ đường 394C đến sân thể thao xóm Đình Giác, thôn Thạch Lỗi, xã Cẩm Giang, TP Hải Phòng	C	QĐ: 157/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	8,742.731	3,500.0000	3,500.0000	3,500.0000
3	1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Ngọc Lâu, xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng (Đoạn từ đường 394C tới chùa Ngọc Lâu)	C	QĐ: 153/QĐ-UBND ngày 02/02/2026	11,811.297	4,669.0460	4,669.0460	4,669.0460
4	1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Thạch Lam đoạn từ đường ĐH19 đến đường 394C, xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng	C	QĐ: 127/QĐ-UBND ngày 30/01/2026	3,205.826	2,000.0000	2,000.0000	2,000.0000
5	1	Nhà đa năng THCS Cẩm Hoàng	C	QĐ: 161/QĐ-UBND ngày 04/02/2026	6,400.000	2,300.0000	2,300.0000	2,300.0000
6	**1**	Xây dựng Nghĩa trang liệt sĩ Cẩm Giang, xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng	C	QĐ: 1027/QĐ-UBND ngày 04/020/6/2026	3,790.387	1,400.0000	1,400.0000	1,400.0000

giải ngân đến 1/2026	Còn lại chưa giải ngân	Tỷ lệ %	
HĐND XÃ GIAO		So với HĐND TP giao	So với HĐND xã giao
44,954.3285	-	**100.00%**	**100.00%**
26,585.2825	-		
317.0000	-		
420.4680	-		
3,447.0000	-		
582.1454	-		
450.0000	-		
400.0000	-		
210.0000	-		
143.0000	-		
67.0000	-		
21.8160	-		
63.8950	-		
108.9890	-		
739.1070	-		
304.9460	-		
105.7550	-		
79.1090	-		
13.7940	-		
5,000.0000	-		
4,902.3551	-		
2,500.0000	-		
7.6240	-		
107.2620	-		
34.0170	-		

HĐND XÃ GIAO	giải ngân	So với HĐND TP giao	So với HĐND xã giao
44,954.3285	-	**100.00%**	**100.00%**
26,585.2825	-		
317.0000	-		
6,560.0000	-		
18,369.0460	-		
4,500.0000	-		
3,500.0000	-		
4,669.0460	-		
2,000.0000	-		
2,300.0000	-		
1,400.0000	-		